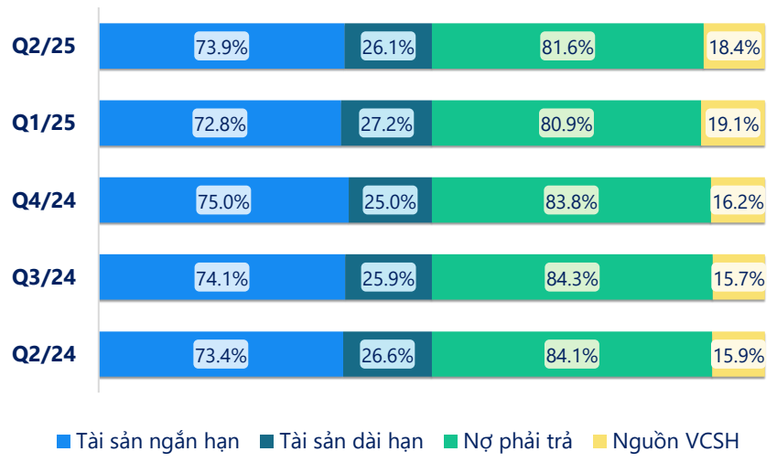
FireAnt

Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	27,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,919
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,084
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	795
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	540
P/E	4.8
EPS	5,592

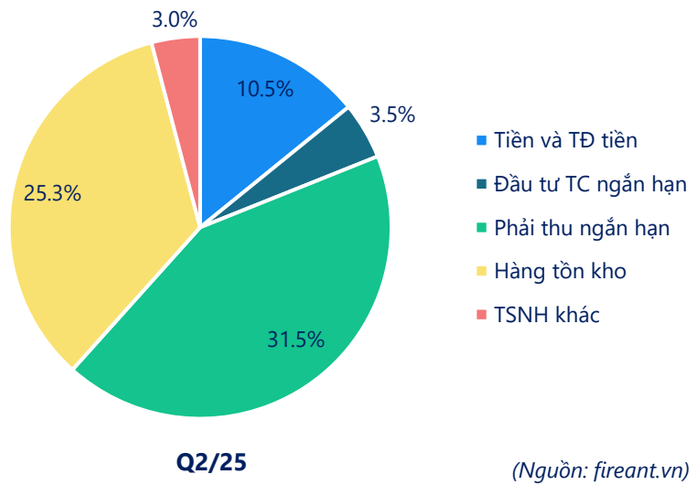
	YTD	1T	3T	6T
MNB	12.4%	-3.5%	-10.4%	9.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



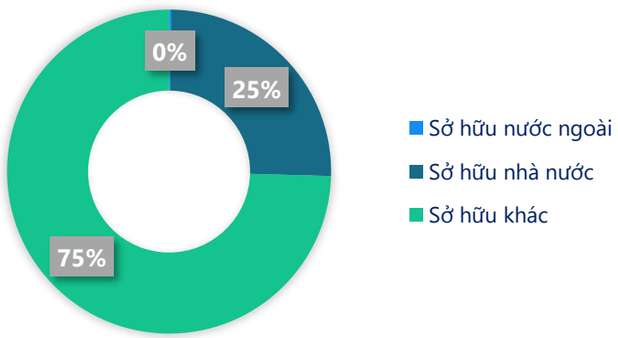
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



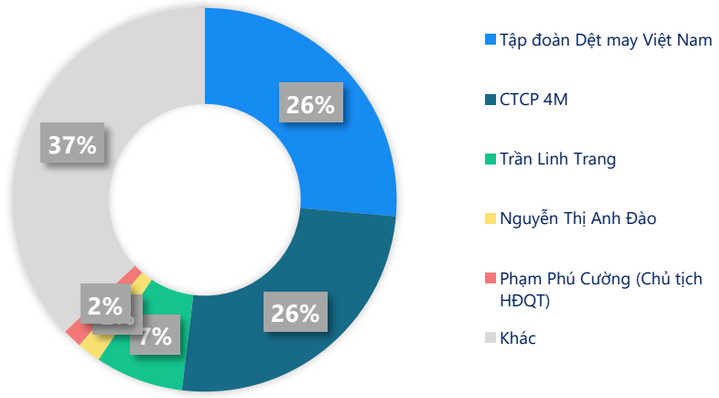
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



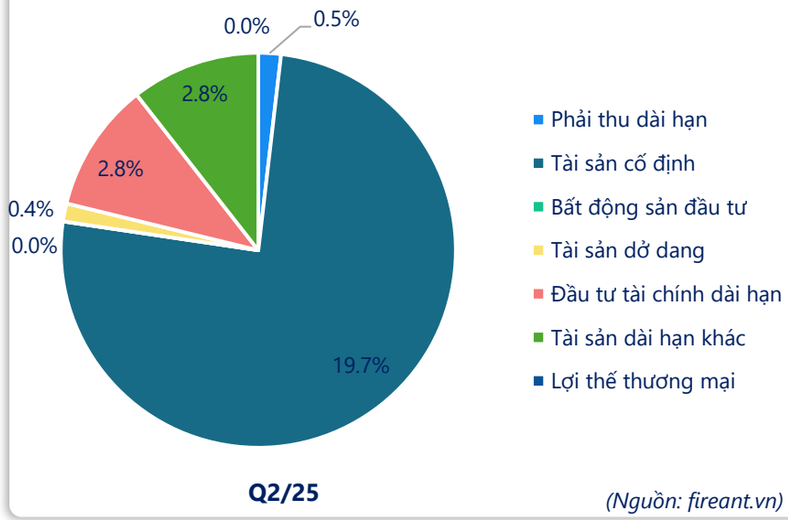
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

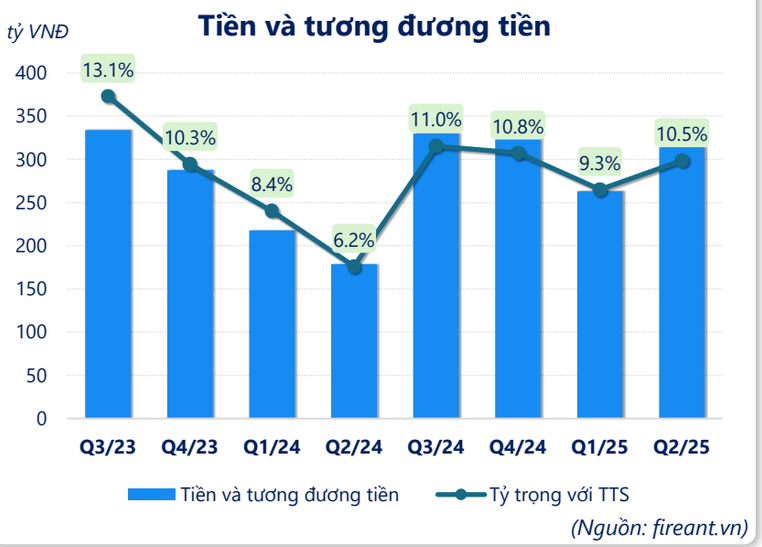


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

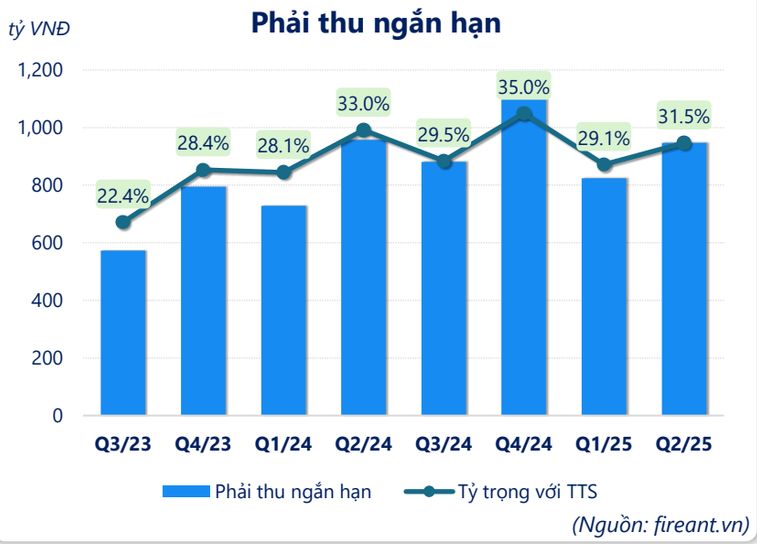
Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Tiền và tương đương tiền



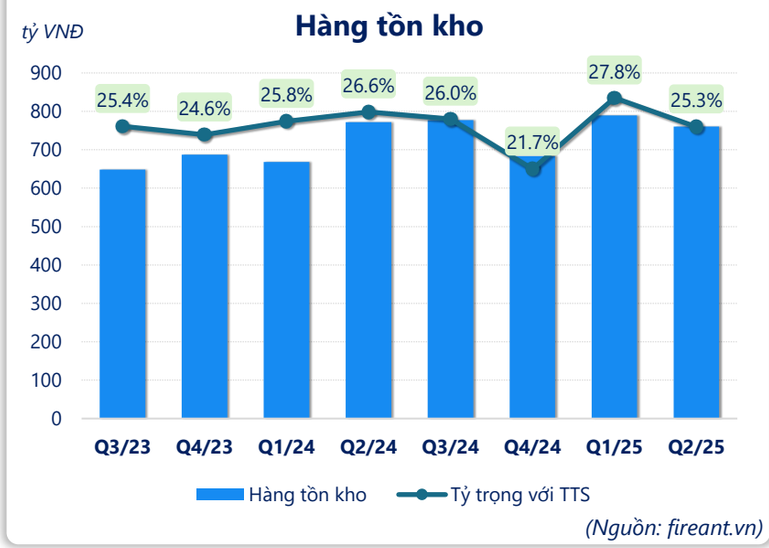
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



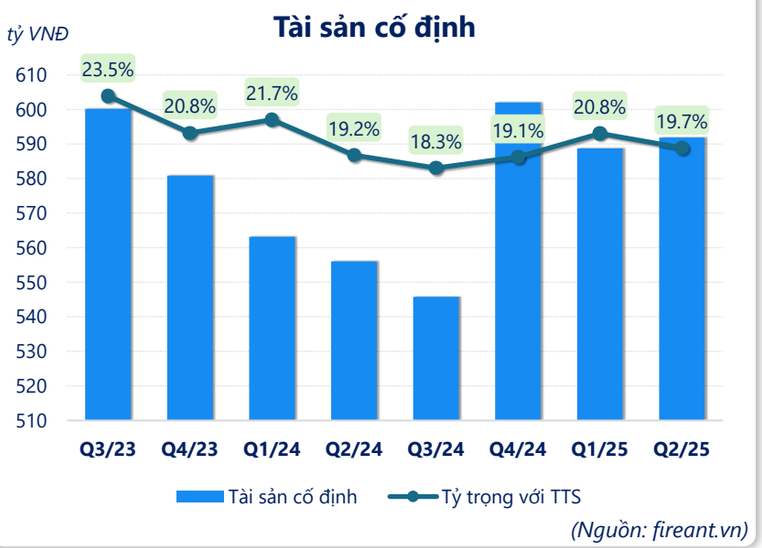
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



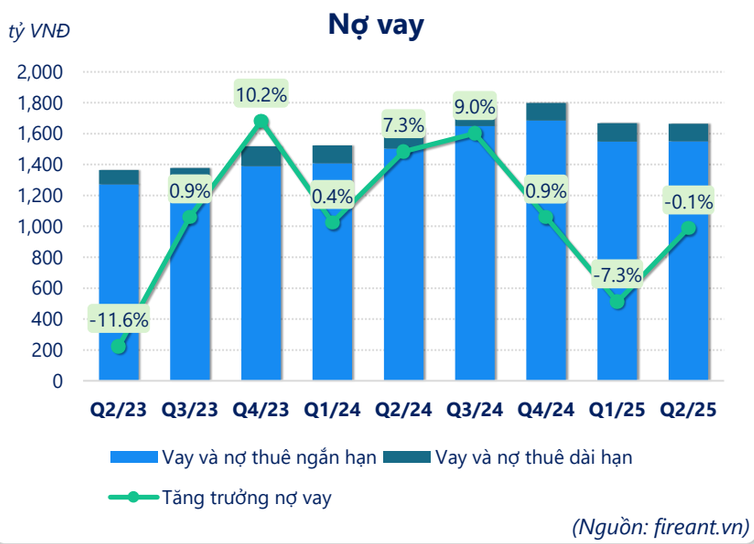
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



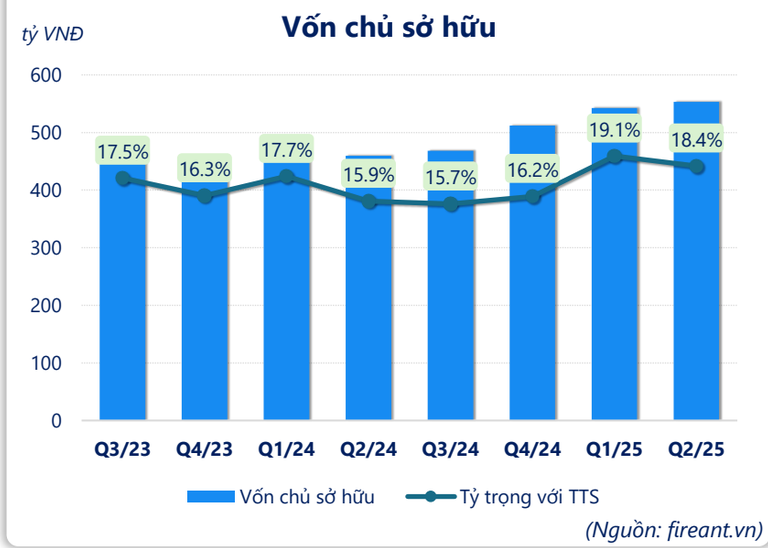
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

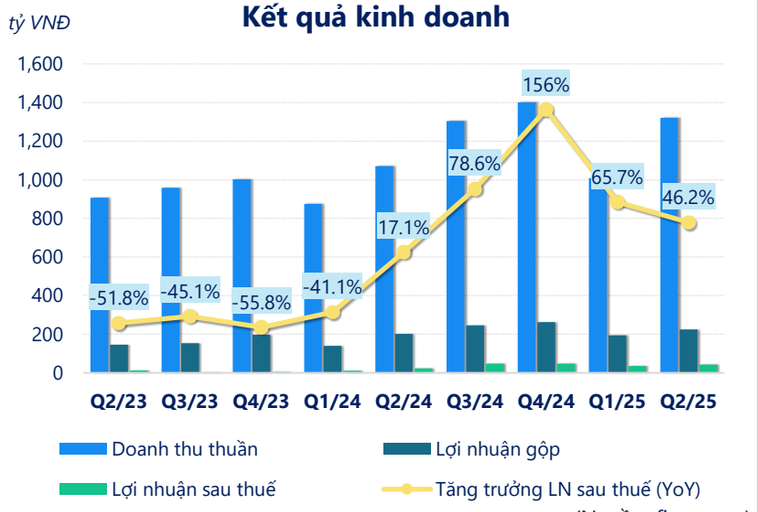


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

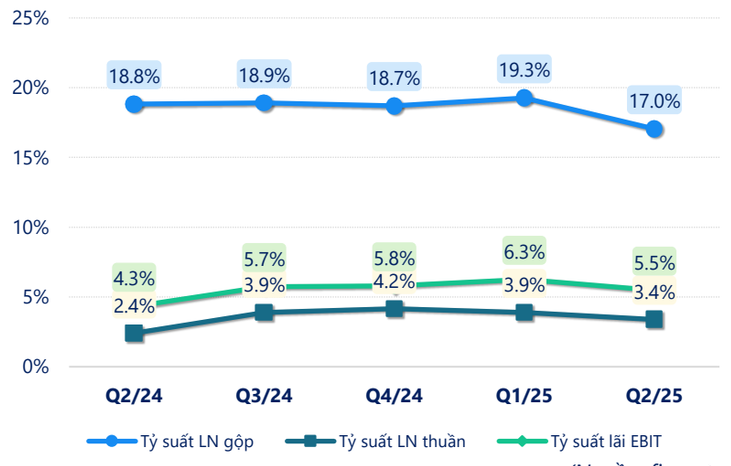
Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Kết quả kinh doanh



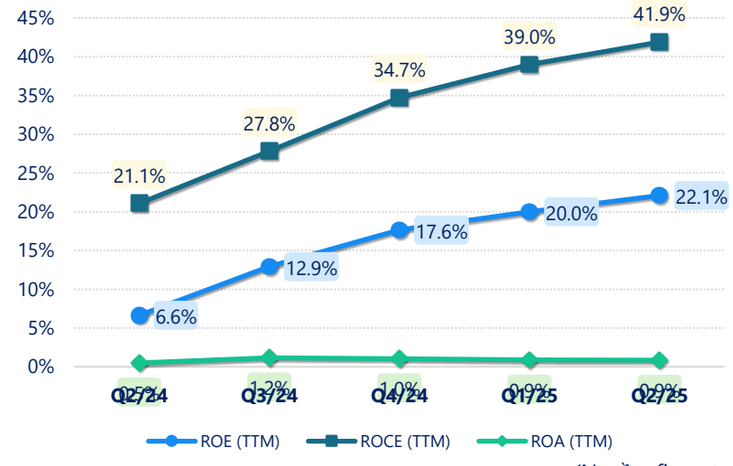
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



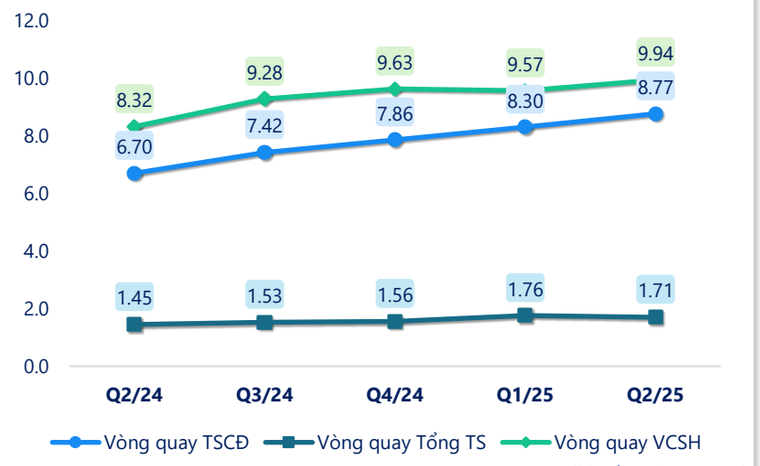
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



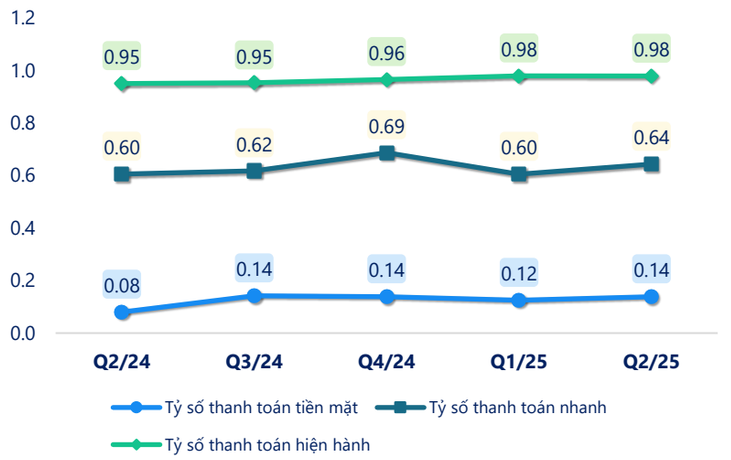
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



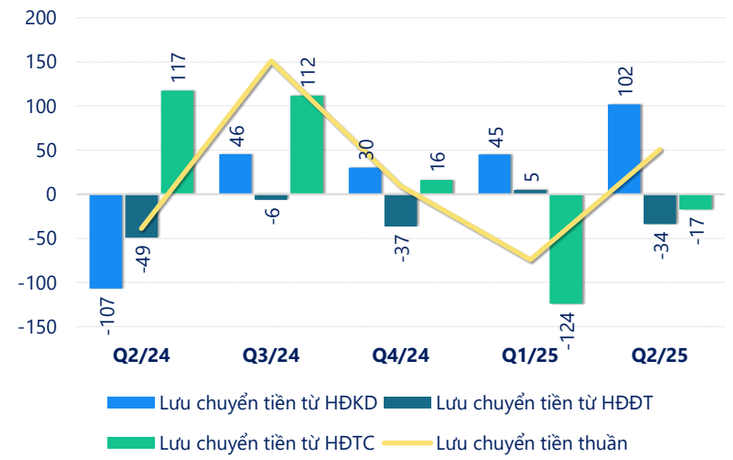
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,002**	**3,096**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,218	2,312	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	314	337	-7.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	106	105	0.9%
Phải thu ngắn hạn	947	1,049	-9.7%
Hàng tồn kho	760	691	10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	90.8	129	-29.7%
Tài sản dài hạn	**784**	**785**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	14.5	14.5	0.0%
Tài sản cố định	592	602	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.6	5.37	116%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.2	82.0	1.5%
Tài sản dài hạn khác	**82.8**	**80.9**	**2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,449	2,577	-5.0%
Nợ ngắn hạn	**2,269**	**2,386**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,550	1,678	-7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	299	249	20.0%
Nợ dài hạn	180	191	-5.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	115	114	0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**553**	**519**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**553**	**519**	**6.5%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,070	1,304	1,401	1,008	1,320
Giá vốn hàng bán	868	1,057	1,139	814	1,095
Lợi nhuận gộp	202	247	262	194	225
Doanh thu HĐTC	18.5	11.3	21.7	15.4	17.2
Chi phí TC	31.0	37.2	29.5	24.9	31.4
Chi phí lãi vay	17.4	18.0	23.8	19.9	20.0
LN trong công ty LKLD	-0.27	1.17	1.48	1.11	1.44
Chi phí bán hàng	69.8	72.7	70.0	60.0	69.7
Chi phí QLDN	93.2	98.3	127	86.5	97.8
LN thuần từ HĐKD	25.8	50.8	58.3	39.2	44.8
Lợi nhuận khác	3.08	6.06	-1.01	3.97	7.52
LN trước thuế	28.9	56.8	57.3	43.1	52.4
Lợi nhuận sau thuế	22.5	46.9	47.1	35.2	43.1
LNST của CĐ cty mẹ	13.4	31.9	31.2	23.5	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-107	45.5	30.1	45.0	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.2	-6.21	-36.7	4.91	-33.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	117	112	16.2	-124	-17.2
Tiền đầu kỳ	218	179	330	337	263
Lưu chuyển tiền thuần	**-38.8**	**151**	**9.70**	**-74.3**	**50.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	179	330	340	263	314

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic